

Số: **90** /2021/QĐ-UBND

Bình Định, ngày **31** tháng **12** năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung Quy định một số chính sách ưu đãi,
hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình cấp nước sạch nông thôn
trên địa bàn tỉnh Bình Định**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18 tháng 6 năm
2020;*

*Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính
phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đầu tư;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính
phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối
tác công tư;*

*Căn cứ Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02 tháng 11 năm 2009 của
Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản
lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn;*

*Căn cứ Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản
cố định;*

*Căn cứ Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2013 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp
nước sạch nông thôn tập trung;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 37/2014/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT ngày
31 tháng 10 năm 2014 của liên Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài
chính, Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg
ngày 02 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách ưu
đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông
thôn;*

*Căn cứ Thông tư số 76/2017/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 54/2013/TT-BTC*

ngày 04 tháng 05 năm 2013 của Bộ Tài chính Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung;

Căn cứ Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt;

Căn cứ Nghị quyết số 31/2021/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh (khóa XIII, kỳ họp thứ 4) sửa đổi, bổ sung Quy định một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Định ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của HĐND tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Quy định một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Định ban hành kèm theo Quyết định số 36/2018/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của UBND tỉnh Bình Định như sau:

1. Sửa đổi khoản 1, Điều 1 như sau:

“1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định này quy định một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình cấp nước sạch tập trung, phục vụ sinh hoạt và các mục đích khác của cộng đồng dân cư vùng thị trấn, các xã và các phường mới được thành lập trong thời hạn 05 năm trên địa bàn tỉnh Bình Định. Bao gồm:

- a) Dự án đầu tư xây dựng mới;
- b) Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp mở rộng công suất cấp nước;
- c) Dự án đầu tư mở rộng phạm vi cấp nước.”

2. Bổ sung khoản 5 vào Điều 3 như sau:

“5. Đối với dự án cấp nước sạch nông thôn tập trung liên vùng, thì trạm cấp nước nằm trên địa bàn cấp huyện nào thì áp dụng quy mô dự án được xem xét hỗ trợ và mức hỗ trợ vốn ngân sách theo mức ở cấp huyện đó”.

3. Bổ sung Điều 4a trước Điều 4 như sau:

“Điều 4a. Quy mô dự án được xem xét hỗ trợ:

Quy mô dự án cấp nước sạch nông thôn tập trung được xem xét hỗ trợ của chính sách này như sau:

- Dự án đầu tư trên địa bàn các huyện Tuy Phước, An Lão, Vĩnh Thạnh, Vân Canh, Tây Sơn, Hoài Ân, Phù Cát, Phù Mỹ (địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định của Chính phủ): Quy mô tổng mức đầu tư tối thiểu 100 tỷ đồng.

- Dự án đầu tư trên địa bàn thị xã An Nhơn, thị xã Hoài Nhơn và thành phố Quy Nhơn: Quy mô tổng mức đầu tư tối thiểu 200 tỷ đồng.”

4. Sửa đổi khoản 1, Điều 4 như sau:

“1. Mức hỗ trợ:

a) Dự án cấp nước sạch nông thôn tập trung đầu tư trên địa bàn các huyện Tuy Phước, An Lão, Vĩnh Thạnh, Vân Canh, Tây Sơn, Hoài Ân, Phù Cát, Phù Mỹ (*địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định của Chính phủ*): Ngân sách hỗ trợ 60% chi phí xây dựng, thiết bị, với mức hỗ trợ cụ thể:

- Hỗ trợ 30% giá trị sau khi nghiệm thu, quyết toán hoàn thành đưa công trình vào sử dụng;

- Hỗ trợ 30% giá trị còn lại trong thời hạn tối đa 03 năm tiếp theo.

b) Dự án cấp nước sạch nông thôn tập trung đầu tư trên địa bàn thị xã An Nhơn, thị xã Hoài Nhơn và thành phố Quy Nhơn: Ngân sách hỗ trợ 50% chi phí xây dựng, thiết bị, với mức hỗ trợ cụ thể:

- Hỗ trợ 25% giá trị sau khi nghiệm thu, quyết toán hoàn thành đưa công trình vào sử dụng;

- Hỗ trợ 25% giá trị còn lại trong thời hạn tối đa 03 năm tiếp theo.”

5. Sửa đổi điểm c, khoản 2, Điều 4 như sau:

“c) Đối với công trình đầu tư trên địa bàn các huyện còn lại và các thị xã An Nhơn, Hoài Nhơn: Ngân sách tỉnh quản lý hỗ trợ tối đa 50% tổng vốn ngân sách hỗ trợ, phần còn lại do ngân sách huyện, thị xã cân đối hỗ trợ.”

6. Sửa đổi điểm b, Điều 5 như sau:

“2. Nhà đầu tư căn cứ nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch tại Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18/6/2021 của Bộ Tài chính và kế hoạch cấp nước thực tế, xây dựng phương án giá bán nước sạch báo cáo Sở Tài chính chủ trì cùng Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.”

7. Sửa đổi điểm a, Điều 7 như sau:

“1. Phần kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để đầu tư công trình cấp nước sạch ở thị trấn (bao gồm dự án xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp), có khả năng tính đúng, tính đủ chi phí thì phải hoàn trả ngân sách bằng khấu hao cơ bản tài sản cố định. Việc xác định khấu hao thực hiện theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung; Thông tư số 76/2017/TT-BTC ngày 26/7/2017 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 54/2013/TT-BTC ngày 04/05/2013 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử

dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung. Trường hợp đặc biệt chưa thể trích khấu hao hoặc chưa thể trích đủ khấu hao theo quy định, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc giảm mức trích khấu hao đối với từng công trình cho phù hợp.”

8. Sửa đổi các điểm a, c của Điều 5 thành các khoản 1, 3 Điều 5; sửa đổi các điểm b, c Điều 7 thành các khoản 2, 3 Điều 7.

Điều 3. Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn các cơ quan, đơn vị có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện các nội dung quy định tại Quyết định này. Đồng thời, chịu trách nhiệm tổng hợp, đề xuất xử lý những tình huống phát sinh, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quy định chuyên tiếp: Các dự án cấp nước sạch nông thôn tập trung áp dụng chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo Quyết định số 36/2018/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của UBND tỉnh, đã phê duyệt chủ trương đầu tư trước ngày Quyết định này có hiệu lực, được tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 36/2018/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của UBND tỉnh và quyết định chủ trương đã phê duyệt.

2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2022.

3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận

- Như Điều 4;
- Các Bộ: NN và PTNT; KH và ĐT, TC;
- Cục Kiểm tra VB QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- UBMT Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu VT, CV (60b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh